

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH NGHỆ AN      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49a/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2021

V/v: *Ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Đầu – Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hưng Phúc – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1983. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn Hùng – Văn phòng Luật sư Dung sự và cộng sự. Vắng mặt

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1 – Sinh năm 1981. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108, đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Khoa - Giám đốc chi nhánh. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào

ngày 29/01/2007 tại UBND xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Hai người sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T, anh T1 có hai con chung là Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay, hai cháu Hồng Phúc và Hoàng Ngân đều ở với anh T1. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Hồng Phúc và Hoàng Ngân cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Trong trường hợp chị T chỉ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hoàng Ngân.

Về quan hệ tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh T1 có tài sản chung là 01 xe ô tô KiaCerato mang biển kiểm soát 37A-51192. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị T, anh T1 có vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền 150.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh T1 đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng và Ngân hàng đã tắt toán khoản vay này. Ngoài ra, anh T1, chị T không có khoản nợ chung nào nữa.

Tại bản tự khai, các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Về tình cảm chung: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T, anh T1 có hai con chung là Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay, hai cháu Hồng Phúc và Hoàng Ngân đều ở với anh T1. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Hồng Phúc và Hoàng Ngân cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh T1 thừa nhận anh chị có tạo lập được khối tài sản chung như chị T trình bày nhưng anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị T, anh T1 có vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền 150.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh T1 đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng và Ngân hàng đã tắt toán khoản vay này. Ngoài ra, anh T1, chị T không có khoản nợ chung nào nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì Ngân hàng trình bày: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và anh T1, chị T có ký kết hợp đồng cho vay với số tiền 150.000.000 đồng và có thế chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Kia Cerato. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh T1, chị T đã thanh toán toàn bộ khoản vay này. Nay Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 71, 72 BLTTDS. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 73 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T1; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành; giao con chung Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét nên miễn xét

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và con chung, bị đơn anh T1 có hộ khẩu và cư trú tại thành phố Vinh. Nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh

[1.2]. Về xét xử vắng mặt: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng tại phiên tòa vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại, có đăng ký kết hôn UBND xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, Nghệ An vào ngày 29/01/2007. Quá trình hôn nhân của chị T, anh T1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T, anh T1 sống hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đến tháng 02/2021 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T1 đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T, anh T1 thuận tình ly hôn đề nghị Tòa án chấp nhận. Sự thống nhất thỏa thuận của các bên là phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh T1 có hai con chung Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012. Ly hôn chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét nguyện vọng của chị T, anh T1 là chính đáng thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con. Chị T và anh T1 đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và xét thấy chị T, anh T1 có hai con chung và chị T, anh T1 đều có công việc và chỗ ở ổn định nên cần giao mỗi người nuôi một con là phù hợp. Xét cháu Nguyễn Thị

Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012 là nữ, có nguyện vọng được ở với chị T nên cần giao cháu Hoàng Ngân trực tiếp nuôi dưỡng cho chị T là phù hợp; cháu Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 là nam, có nguyện vọng ở với anh T1 nên cần giao cháu Phúc cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, hai cháu Hoàng Ngân và Hồng Phúc đều đang ở với anh T1 nên sau khi ly hôn cần buộc anh T1 phải giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị T, anh T1 thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên miễn xét. Về nợ: Chị T, anh T1 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã thỏa thuận xong nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử : 1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 15/9/2008 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành; giao con chung Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Nguyễn Văn T1 phải giao con chung là Nguyễn Thị Hoàng Ngân, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số 0003284 ngày 04/3/2021.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số 0003284 ngày 04/3/2021.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. Vinh
- Chi cục THADS TP. Vinh
- UBND xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Minh Hiền**